



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 18 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 849 trẻ (Trung tâm:446; Hải Đông: 403 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					15.259.000		7.986.500		7.272.500
1	Bí đỏ	30.000	Kg	16,0	480.000	9	270.000	7	210.000
2	Cà chua	45.000	Kg	22,5	1.012.500	12	540.000	10,5	472.500
3	Đậu phụ	40.000	Kg	26	1.040.000	15	600.000	11	440.000
4	Hành khô	60.000	Kg	1,0	60.000	0,5	30.000	0,5	30.000
5	Hành lá	45.000	Kg	2,5	112.500	1,5	67.500	1	45.000
6	Me tươi	70.000	Kg	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
7	Quả dứa	40.000	Kg	7,0	280.000	4	160.000	3	120.000
8	Rau mùi	85.000	Kg	2,4	204.000	1,4	119.000	1	85.000
9	Thịt gà	130000	Kg	21,0	2.730.000	11,5	1.495.000	9,5	1.235.000
10	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	38,0	4.940.000	20	2.600.000	18	2.340.000
11	Cá vược	230.000	Kg	17,0	3.910.000	8	1.840.000	9	2.070.000
12	Hạt sen	200000	Kg	1,7	340.000	0,9	180.000	0,8	160.000
13	Đậu xanh bỏ vỏ	50000	Kg	1,6	80.000	1	50.000	0,6	30.000
Nhóm xuất kho					4.708.000		2.499.000		2.209.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	75,0	1.500.000	39	780.000	36	720.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1,2	18.000	0,6	9.000	0,6	9.000
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	6,0	360.000	3	180.000	3	180.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	12,0	2.760.000	6,5	1.495.000	5,5	1.265.000
Tổng chi					19.967.000		10.485.500		9.481.500
Tổng thu					19.968.480		10.489.920		9.478.560
Tồn ngày hôm trước					2.460		-		2.460
Thừa (Thiếu)					3.940		4.420		-480

849 23.520

446

403

43 1011360